

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày: 12 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Ông Sùng A Xà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ, bà Nguyễn Thị Khuyên và ông Lê Trọng Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Trường trung học cơ sở bán trú huyện Mường Nhé - Trung tâm huyện Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị L** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nữ; sinh ngày: 03/9/1984 tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Bản S, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng. Bố đẻ là Lò Văn M (đã chết) và mẹ đẻ là Lò Thị P (1954); bị cáo có chồng là Lò Văn N sinh năm 1982 (đang ly thân) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2002 và con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/03/2019, tạm giam từ ngày 20/03/2019 cho đến nay và được trích xuất áp giải đến phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị L: Ông Lê Đình T - Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15/3/2019 tại khu vực bản H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Điện Biên phát hiện và thu giữ của Lò Thị L 05 túi ni lon màu xanh bên trong có chứa các

viên nén màu hồng, xanh đều có ký hiệu WY có khối lượng là 102,19 gam (sau đó được kết luận là Methamphetamine).

Nguồn gốc số ma túy đó là do Lò Thị L mua được của đối tượng tên là D với giá 4,5 triệu/01 túi Methamphetamine, hẹn khi nào bán được số ma túy trên sẽ trả tiền. Sau khi mua được ma túy L đã liên lạc với người phụ nữ có tên là X (L1) để bán với giá 05 triệu /01 túi. Đến 13 giờ ngày 15/3/2019 khi Lò Thị L đang chuẩn bị trao đổi mua bán thì bị phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số: 352/GĐ-PC 09 ngày 26/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 05 (năm) mẫu viên nén màu hồng, màu xanh trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Thị L gửi đến giám định là ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Thị L là 102,19 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKS - P1 ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Lò Thị L để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” xử phạt bị cáo Lò Thị L 20 (hai mươi) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo Lò Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế của bị cáo cũng gặp nhiều khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo. Bị cáo sinh sống ở vùng

sâu, vùng xa am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế, bản thân không được đi học, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Về nguồn gốc chiếc xe máy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo, đó là công sức lao động sản xuất do mẹ đẻ và các con của bị cáo tạo ra nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho gia đình bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do biết được việc mua bán trái phép chất ma túy thu được nhiều lợi nhuận, sáng ngày 15/3/2019 bị cáo Lò thị L đã tìm và mua được của đối tượng tên là D 05 túi với giá 4,5 triệu /01 túi Methamphetamine nhưng chưa trả tiền. Sau khi mua được số ma túy trên bị cáo đã trao đổi với đối tượng tên là X (L1) để bán với giá 05 triệu/01 túi thì bị phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng vụ án bao gồm 102,19 gam Methamphetamine. Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lò Thị L đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi mua bán trái phép 102,19 gam methamphetamine của bị cáo Lò Thị L đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Lò thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng mặc dù bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa am hiểu pháp luật có phần hạn chế song ngoài lần phạm tội này bị cáo đã 01 lần bị xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do đó Hội đồng xét

xử quyết định xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp chính của bị cáo làm ruộng, không có nguồn thu nhập nào khác, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Đối với số ma túy đã thu giữ của bị cáo, cần bị tịch thu tiêu hủy.
- Đối với chiếc điện thoại và xe máy do cơ quan điều tra đã thu giữ khi bắt bị cáo, xét thấy bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy cho gia đình bị cáo là không có căn cứ vì chiếc xe máy đó mang tên bị cáo và bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương không có tài liệu nào khác chứng minh nguồn gốc của chiếc xe máy nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng xét thấy bị cáo hiện sinh sống ở vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Trong vụ án theo lời khai của bị cáo thì số ma túy đó là do bị cáo mua ma túy của người tên là Di và định bán cho đối tượng tên là X (L1) nhưng không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những đối tượng này. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị L (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Thị L 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Điện Biên. Mặt trước phong bì niêm phong có dòng chữ đánh máy ghi: Vật chứng vụ: Lò Thị L - SN: 1984, cư trú tại: Bản S, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vật chứng gồm: 05 gói nilon chứa các viên nén màu hồng, màu xanh là ma túy tổng hợp có tổng khối lượng = 102,19 gam, đã trích 05 mẫu gửi giám định có tổng khối lượng = 2,47 gam. Tổng khối lượng vật chứng còn lại = 99,92 gam.

- 01 (một) vỏ lọ nhựa (loại lọ đựng trà râu ngô rau má) kích thước 5x5x10 cm. Thu giữ của Lò Thị L.

- 01 (một) túi xách màu hồng bằng vải có quai xách tay, đã cũ qua sử dụng, thu giữ của Lò Thị L.

- 02 (hai) tờ giấy có dòng kẻ kích thước 15x20 cm, ở góc dưới bên phải của tờ giấy đều có chữ in: “HẢI TIẾN” màu xanh – tím. Trên 1 mặt 1 tờ có dòng chữ viết tay ghi: Tiết 64: THÊM HÌNH ẢNH ĐỂ MINH HỌA (Tiếp). Thu giữ của Lò Thị L.

** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu SAM SUNG màu đen, đã qua sử dụng. Thu giữ của Lò Thị L.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu WAYE INDONA, màu trắng, số khung: RL9BCB8UMJBG00745, số máy: RL9FM1P39FMB-1V00745. (Xe không có biển số), đã cũ qua sử dụng, thu giữ của Lò Thị L.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 23/5/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị L.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2019).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên (thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Đoàn